

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 75 /2019/HNGĐ - ST

Ngày: 21-6-2019

V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diện

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Trú

2. Ông Trần Văn Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Thành Được – Kiểm sát viên

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị H, sinh năm 1985

Địa chỉ: số 81/6 ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long

Chỗ ở hiện nay: Số 789 ấp G, xã H, huyện I, tỉnh Tiền Giang

2/ Bị đơn: Anh Lê Văn D, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 81/6 ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 18/3/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Huỳnh Thị H trình bày: Chị và anh D trên cơ sở quen biết đi đến kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 25/4/2013. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Chị và anh D đã ly thân nhau từ đầu năm 2018 đến nay. Nay Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh D

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Thị Mỹ U, sinh ngày 18/5/2013, khi ly hôn chị yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000đ cho đến khi cháu U tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, anh D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị H đã bỏ nhà đi hơn 02 năm nay, anh không còn tình cảm với chị H nên anh đồng ý ly hôn với chị H

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Thị Mỹ U, sinh ngày 18/5/2013, khi ly hôn anh yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu giao cháu U cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng thì anh không cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ngoài ra, anh yêu cầu Tòa án cho anh được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Huỳnh Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Về con chung chị đồng ý giao con chung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra không cung cấp chứng cứ gì thêm.

- Bị đơn anh Lê Văn D xin vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, Tuyên xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị H, cho chị H được ly hôn với anh Lê Văn D

+ Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H, Giao cháu Lê Thị Mỹ U, sinh ngày 18/5/2013 cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D

+ Về tài sản chung, nợ chung: không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết

+ Về án phí: Buộc chị H nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, anh Lê Văn D xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh D

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và Anh D tiến đến hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn, phù hợp quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của Chị H: Anh D vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, anh D trình bày: chị H đã bỏ nhà đi hơn 02 năm nay, anh không còn tình cảm với chị H nên anh đồng ý ly

hôn với chị H. Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh D. Tại Khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân gia đình quy định: *“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”*. Xét hôn nhân của chị H và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở.

[3] Về con chung: có 01 con chung tên Lê Thị Mỹ U, sinh ngày 18/5/2013 hiện đang sống chung với anh D. Tại tòa chị H đồng ý giao con chung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng và nguyện vọng của anh D cũng xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu U nên Hội đồng xét xử giao cháu U cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh D không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp chị H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị H. Ngược lại anh D cùng các thành viên gia đình anh không được cản trở chị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết; về nợ chung: đương sự khai không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: chị Huỳnh Thị H phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật, có trừ đi tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho ly hôn giữa chị Huỳnh Thị H và anh Lê Văn D
2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Mỹ U, sinh ngày 18/5/2013 cho anh Lê Văn D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh D không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp chị H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị H. Ngược lại anh D cùng các thành viên gia đình anh không được cản trở chị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: không đặt ra giải quyết; Về nợ chung: đương sự khai không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Huỳnh Thị H nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), tiền án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0002244 ngày 20/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Diện